

- Tăng dư nợ lãnh mạnh về cho thuê tài chính hàng năm từ 15 – 20 %.

- Củng cố chất lượng nghiệp vụ cho thuê tài chính, kéo nợ xấu xuống còn 4 – 5 % hàng năm với các biện pháp linh hoạt.

- Thu hồi lãi suất hàng năm đạt tối thiểu 95% để tăng vòng quay của vốn cho thuê.

- Áp dụng các biện pháp hữu hiệu để mở rộng đối tượng cho thuê là doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt đối với đầu tư hiện đại hóa công nghệ, thiết bị cho công nghệ chế biến nông, thủy, hải sản và hàng xuất khẩu. Đây là một khâu quan trọng để góp phần tăng trưởng kinh tế của TP.Cần Thơ và ĐBSCL, đồng thời cũng là yếu tố quan trọng để phát triển bền vững dịch vụ cho thuê tài chính trong vùng.

- Mở rộng mạng lưới cho thuê tài chính, thông qua các tổ chức nhận ủy thác, nhằm nắm bắt thông tin linh hoạt cho việc khai thác tốt nhất các khách hàng tiềm năng, hạn chế rủi ro, tăng cường hiệu quả đầu tư

- Hoàn thiện phương pháp quảng cáo, tiếp thị khách hàng tạo đối tác lâu bền, bằng nhiều hình thức phong phú và sử dụng các biện pháp truyền thông thích hợp.

4.4 Các biện pháp hỗ trợ

- Kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh thích ứng các văn bản pháp quy về việc thu hồi, xử lý tài sản cho thuê một cách nhanh chóng và có hiệu lực hơn.

- Nâng quyền hạn của các chi nhánh cho thuê tài chính vận hành theo quy định về mặt nghiệp vụ cho thuê tài chính như chức năng của các công ty.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trước hết là học tập kinh nghiệm của các công ty mạnh ở TP.HCM; mặt khác áp dụng việc tái đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý theo định kỳ.

- Tin học hóa toàn bộ hệ thống cho thuê tài chính trong ngành, vùng và trong mối quan hệ với các công ty cho thuê tài chính trong toàn quốc.

5. Kết luận

Hoạt động cho thuê tài chính ở TP.Cần Thơ và ĐBSCL còn rất non trẻ. Sự vận hành của nó còn nhiều bước thăng trầm bởi những nguyên nhân chủ quan và khách quan. Song cần khẳng định, đây là một dịch vụ có nhiều lợi thế trong cơ chế kinh tế thị trường và xu thế hội nhập. TP.Cần Thơ và ĐBSCL đang đứng trước vận hội mới để cất cánh. Hoạt động cho thuê tài chính cũng cần nắm bắt các cơ hội đó nhằm đáp ứng như cầu cung ứng vốn, đồng thời cũng vừa tạo điều kiện để phát triển mạnh về nghiệp vụ, vừa mở rộng hệ thống, tạo thế cho sự phát triển bền vững ở vùng kinh tế nhiều tiềm năng này ■

Tài liệu tham khảo (*)

Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2006 của chi nhánh Cần Thơ – Công ty cho thuê Tài chính II.
Báo cáo sơ kết triển khai thực hiện NQ 45 – NQTV của Bộ Chính trị (Khóa IX) của Thành ủy Cần Thơ (số 75 – BC – TU)
Các tạp chí Phát triển Kinh tế
Tạp chí Ngân hàng năm 2005 – 2006

Những nội dung kế toán liên quan đến các công ty phát hành trái phiếu phát sinh chiết khấu và phụ trội

Thạc sĩ TRẦN QUỐC THỊNH

Chuẩn mực Chi phí đi vay (VAS 16) ban hành theo quyết định 165 ngày 31 tháng 12 năm 2002 trình bày những nội dung kế toán liên quan đến chi phí đi vay, bằng việc phát hành trái phiếu trong đó phát sinh chiết khấu và phụ trội. Trên tinh thần đó, Thông tư 105.2003.TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2003 đã hướng dẫn những nội dung kế toán chi phí đi vay trong trường hợp phát hành trái phiếu công ty trong đó có đề cập đến phương pháp tính lãi suất thực tế và phương pháp đường thẳng để phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trái phiếu. Tuy nhiên, thông tư mới chỉ dừng lại những nội dung khái quát, chưa hướng dẫn một cách cụ thể, chi tiết về phương pháp tính và hạch toán. Do đây là vấn đề khá mới mẻ nên đã tạo không ít khó khăn cho các công ty khi phát hành trái phiếu, đặc biệt là phương pháp tính và hạch toán lãi suất thực tế. Điều này nếu không được giải quyết một cách triệt để sẽ ảnh hưởng thông tin trên báo cáo tài chính của các công ty (khoản mục chi phí lãi vay trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán). Trước thực tế trên, xin minh họa hai phương pháp tính và hạch toán kế toán liên quan đến lãi suất hiện hành, chiết khấu, phụ trội trong việc phát hành trái phiếu của các công ty góp phần hoàn thiện hệ thống công tác kế toán chung.

Phương pháp kế toán liên quan đến phát hành trái phiếu phát sinh chiết khấu và phụ trội

Một trái phiếu có thời hạn 3 năm, giá trị khi đáo hạn là 500.000 VND, lãi suất trái phiếu là 8% năm, lãi trả một năm một lần vào ngày 31.12. Trái phiếu được phát hành vào ngày 01.01.2001.

- Giá của trái phiếu

+ Nếu lãi suất thị trường vào ngày 01.01.2001 là 10% năm, trái phiếu sẽ có giá bán là 475.132 VND (do lãi suất thị trường cao hơn lãi suất ghi trên trái phiếu). Như vậy phát sinh chiết khấu trái phiếu là 24.867 (500.000 – 475.132).

+ Nếu lãi suất thị trường vào ngày 01.01.2001 là 6% năm thì trái phiếu sẽ có giá bán là 526.730 VND. Như vậy phụ trội trái phiếu phát sinh là 26.730 (526.730 – 500.000).

- Chi phí tiền lãi vào ngày tính lãi (31.12)

Chi phí tiền lãi danh nghĩa = 500.000 * 8% = 40.000

Chi phí tiền lãi thực tế phát sinh = chi phí tiền lãi danh nghĩa trên trái phiếu cộng (+) khoản phân bổ chiết khấu và trừ (-) khoản phân bổ phụ trội

Như vậy, việc tính chi phí tiền lãi thực tế của trái phiếu sẽ tùy thuộc vào phương pháp phân bổ chiết khấu hay phụ trội.

1. Phương pháp phân bổ theo đường thẳng

1.1. Nếu chiết khấu trái phiếu

Tổng mức chiết khấu cần phân bổ: 24.867, tương ứng với số kỳ trả lãi trái phiếu là 3 kỳ. Như vậy, chiết khấu được phân bổ cho mỗi kỳ là: $8.289 (24.867 : 3 = 8.289)$

- Chi phí tiền lãi thực tế = $40.000 + 8.289 = 48.289$

• Phương pháp hạch toán:

- Ngày phát hành trái phiếu

Nợ TK Tiền 475.133

Nợ TK Chiết khấu trái phiếu 24.867

Có TK Mệnh giá trái phiếu 500.000

- Ngày trả tiền lãi (31.12)

Nợ TK Chi phí tiền lãi 48.289

Có TK Tiền 40.000

Có TK Chiết khấu trái phiếu 8.289

- Ngày đến hạn trái phiếu (31.12.2003)

Nợ TK Mệnh giá trái phiếu 500.000

Có TK Tiền 500.000

1.2. Nếu phụ trội trái phiếu

Tổng số phụ trội cần phân bổ: 26.730, tương ứng với số kỳ trả lãi trái phiếu là 3 kỳ. Như vậy, phụ trội được phân bổ cho mỗi kỳ trả lãi là: $8.910 (26.730 : 3)$

- Chi phí lãi thực tế = $40.000 - 8.910 = 31.090$

• Phương pháp hạch toán

- Ngày phát hành trái phiếu

Nợ TK Tiền 526.730

Có TK Mệnh giá trái phiếu 500.000

Có TK Phụ trội trái phiếu 26.730

- Ngày trả tiền lãi (31.12)

Nợ TK Chi phí tiền lãi 31.090

Nợ TK Phụ trội trái phiếu 8.910

Có TK Tiền 40.000

- Ngày đến hạn trái phiếu (31.12.2003)

Nợ TK Mệnh giá trái phiếu 500.000

Có TK Tiền 500.000

2. Phương pháp phân bổ theo lãi suất thị trường

2.1. Bảng phân bổ chiết khấu theo lãi suất thị trường

Thời điểm	Chi phí lãi phải trả theo lãi suất trái phiếu (8%)	Chi phí lãi phải trả theo lãi suất thị trường (10%)	Phân bổ chiết khấu cho mỗi kỳ trả lãi	Giá trị trái phiếu tại thời điểm
	(1) = $500.000 \cdot 8\%$	(2) = (4) $\cdot 10\%$	(3) = (2) - (1)	(4)

01.01.2001	0	0	0	475.133
31.12.2001	40.000	47.513	7.513	482.646
31.12.2002	40.000	48.264	8.264	490.910
31.12.2003	40.000	49.090	9.090	500.000
Tổng	120.000	144.867	24.867	

• Phương pháp hạch toán:

- Ngày trả tiền lãi (31.12)

	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003
Nợ TK Chi phí tiền lãi	47.513	48.264	49.090
Có TK Tiền	40.000	40.000	40.000
Có TK Chiết khấu trái phiếu	7.513	8.264	9.090

(Ngày phát hành và ngày đến hạn trái phiếu hạch toán tương tự như mục 1.1)

2.2. Bảng phân bổ phụ trội theo lãi suất thị trường

Thời điểm	Chi phí lãi phải trả theo lãi suất trái phiếu (8%)	Chi phí lãi phải trả theo lãi suất thị trường (6%)	Phân bổ phụ trội cho mỗi kỳ trả lãi	Giá trị trái phiếu tại thời điểm
	(1) = $100.000 \cdot 8\%$	(2) = (4) $\cdot 6\%$	(3) = (1) - (2)	(4)
01.01.2001	0	0	0	526.730
31.12.2001	40.000	31.604	8.396	518.334
31.12.2002	40.000	31.100	8.900	509.434
31.12.2003	40.000	30.566	9.434	500.000
Tổng	120.000	93.270	26.730	

• Phương pháp hạch toán

- Ngày trả tiền lãi (31.12)

	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003
Nợ TK Chi phí tiền lãi	31.604	31.100	30.566
Nợ TK Phụ trội trái phiếu	8.396	8.900	9.434
Có TK Tiền	40.000	40.000	40.000

(Ngày phát hành và ngày đến hạn trái phiếu hạch toán tương tự như mục 1.2)

Thật vậy, việc đánh giá xác thực chi phí lãi vay và khoản nợ phải trả khi phát hành trái phiếu là điều cần thiết ở các công ty trên cơ sở các nguyên tắc, phương pháp kế toán được qui định chung. Với hai phương pháp tính và hạch toán kế toán liên quan đến phát hành trái phiếu có chiết khấu và phụ trội như trên sẽ giúp các công ty có đủ cơ sở để tính đúng, tính đủ các chi phí phát sinh và khoản nợ phải trả, giúp số liệu kế toán được hợp lý, thể hiện tính trung thực trên báo cáo tài chính. Ngoài ra, khi đã lựa chọn phương pháp thống nhất để áp dụng trong việc phân bổ chiết khấu hay phụ trội khi phát hành trái phiếu trong kỳ, kế toán cần có sự thuyết minh trên báo cáo tài chính để giúp người sử dụng thông tin hiểu một cách đầy đủ và rõ ràng ■